

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VĂN HÓA  
TÂN BÌNH

Digitally signed by CÔNG TY  
CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH  
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=  
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA  
TÂN BÌNH,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1  
=MST:0301420079  
Reason: I am the author of this  
document  
Location:  
Date: 2024.03.29  
18:02:23  
+07'00'  
Foxit PDF Reader Version:  
12.1.3



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-46

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Thế Nhân	Chủ tịch	
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó chủ tịch	
Ông Hoàng Văn Điều	Thành viên	
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên	
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2023
Ông Bùi Mạnh Côn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
-----------------------	-------------------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng ban
Bà Thái Thị Phượng	Thành viên
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Minh Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Số: 290324.008/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue ink signature of Đặng Huy Hoàng.

**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

**Đặng Huy Hoàng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>184.029.658.367</b>	<b>198.634.603.582</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>6.735.071.552</b>	<b>14.130.215.548</b>
111	1. Tiền		6.735.071.552	12.395.724.813
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.734.490.735
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>72.650.000.187</b>	<b>62.154.820.929</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		616.049.276	691.098.879
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(14.199.975)	(226.312.979)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		72.048.150.886	61.690.035.029
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>61.780.263.891</b>	<b>70.738.522.789</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	47.626.208.537	48.855.128.749
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.047.377.127	21.339.386.883
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	327.974.572	750.467.336
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(221.296.345)	(206.460.179)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>40.234.892.062</b>	<b>48.696.115.376</b>
141	1. Hàng tồn kho		40.234.892.062	48.696.115.376
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.629.430.675</b>	<b>2.914.928.940</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	425.307.893	792.262.051
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.081.329.500	1.651.771.746
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	122.793.282	470.895.143
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>142.711.555.467</b>	<b>113.668.731.267</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>189.750.479</b>	<b>195.445.910</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	189.750.479	195.445.910
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>61.127.014.373</b>	<b>53.273.711.078</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	57.264.586.006	49.040.009.095
222	- Nguyên giá		203.730.626.984	182.249.032.111
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(146.466.040.978)	(133.209.023.016)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	351.283.400	573.146.600
225	- Nguyên giá		1.109.316.000	1.109.316.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(758.032.600)	(536.169.400)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.511.144.967	3.660.555.383
228	- Nguyên giá		6.943.530.397	6.943.530.397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.432.385.430)	(3.282.975.014)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	14	25.200.362.079	25.925.703.903
231	- Nguyên giá		51.544.546.189	51.544.546.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.344.184.110)	(25.618.842.286)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	9.655.709.431	6.319.780.262
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.655.709.431	6.319.780.262
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	24.859.225.327	24.394.242.051
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.383.204.024	24.234.542.851
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	159.699.200
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		316.322.103	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		21.679.493.778	3.559.848.063
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	21.517.208.064	3.356.990.920
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.a	162.285.714	202.857.143
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>326.741.213.834</b>	<b>312.303.334.849</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>106.196.667.651</b>	<b>93.041.519.572</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>104.279.414.370</b>	<b>89.659.584.401</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	38.853.585.937	19.948.627.543
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.104.544.524	3.407.204.966
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.359.613.006	2.241.613.965
314	4. Phải trả người lao động		8.733.315.602	10.695.537.369
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		16.335.606	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	4.500.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	17.219.616.922	16.251.220.978
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	36.292.033.998	31.896.473.805
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		700.368.775	718.905.775
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.917.253.281</b>	<b>3.381.935.171</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	899.819.614	2.267.590.174
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.b	1.017.433.667	1.114.344.997
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>220.544.546.183</b>	<b>219.261.815.277</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>220.544.546.183</b>	<b>219.261.815.277</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.439.040.439	27.156.309.533
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		21.419.600.533	17.724.238.709
421b	LNST chưa phân phối năm này		7.019.439.906	9.432.070.824
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>326.741.213.834</b>	<b>312.303.334.849</b>

Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	304.082.597.574	261.691.896.195
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	352.003.363	175.976.250
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		303.730.594.211	261.515.919.945
11	4. Giá vốn hàng bán	25	260.601.563.379	218.079.654.906
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.129.030.832	43.436.265.039
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	5.609.748.901	4.342.997.330
22	7. Chi phí tài chính	27	3.474.591.674	3.283.490.720
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.859.139.515	1.445.970.145
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		148.661.173	1.151.891.630
25	9. Chi phí bán hàng	28	12.370.887.138	11.877.062.483
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	26.025.040.571	22.686.702.883
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.016.921.523	11.083.897.913
31	12. Thu nhập khác	30	2.234.067.392	468.763.235
32	13. Chi phí khác	31	685.505.597	222.454.868
40	14. Lợi nhuận khác		1.548.561.795	246.308.367
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.565.483.318	11.330.206.280
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	1.602.383.313	2.456.916.173
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	(56.339.901)	(558.780.717)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7.019.439.906</u>	<u>9.432.070.824</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7.019.439.906	9.432.070.824
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.224	1.644



Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
 Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	
			Năm 2023 VND	(đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.565.483.318	11.330.206.280
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.895.456.145	14.057.092.071
03	- Các khoản dự phòng		(197.276.838)	225.279.932
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		535.817.232	(99.890.501)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.735.474.981)	(5.268.257.841)
06	- Chi phí lãi vay		1.859.139.515	1.445.970.145
07	- Các khoản điều chỉnh khác		9.081.000	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.932.225.391	21.690.400.086
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.807.932.489	(18.826.878.074)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.461.223.314	(24.167.088.286)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		10.384.687.237	17.582.714.437
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(17.793.262.986)	(1.987.649.412)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		75.049.603	(368.978.879)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.859.139.515)	(1.445.970.145)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.376.011.743)	(816.523.345)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.537.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.614.166.790	(8.339.973.618)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(25.436.750.042)	(7.042.453.773)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	181.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(72.364.472.989)	(25.628.273.182)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.690.035.029	34.566.556.861
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.820.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	704.248.880
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.695.951.095	4.301.936.471
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.324.327.816)	4.263.833.439

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	
			Năm 2023	(đã điều chỉnh)
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		81.138.647.508	59.841.695.658
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(77.933.367.315)	(48.466.546.957)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(177.490.560)	(177.490.560)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.718.524.100)	(4.002.966.870)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.690.734.467)	7.194.691.271
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(7.400.895.493)	3.118.551.092
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.130.215.548	11.012.724.255
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.751.497	(1.059.799)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>6.735.071.552</u>	<u>14.130.215.548</u>



Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Kế toán trưởng




Hoàng Minh-Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Năm 2023***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 61.725.230.000 VND; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 386 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 337 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất phần mềm, phát triển sản phẩm công nghệ thông tin;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ kho vận.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ thông tin

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty có 01 công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	37,60%	37,60%	Lĩnh vực in ấn

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### 2.5 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

### **2.12 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

### **2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### **2.14 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

### Thông tin chi tiết liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 098/HĐHTKD ngày 22/07/2020 giữa Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc và Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tài sản hợp tác: Hệ thống trình diễn màn hình nước, hệ thống trình chiếu Laser, hệ thống âm thanh, nội dung trình chiếu trên màn hình nước, hệ thống nhạc nước, hệ thống ánh sáng các photobooth cùng nhân sự vận hành, nhằm trình diễn phục vụ cho khách tham quan tại Công viên Văn hoá Đầm sen.
- + Phạm vi hợp tác: Các Bên cùng nhau hợp tác kinh doanh, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, quảng cáo sản phẩm tại Công viên Văn hóa Đầm sen để cùng tăng lượng khách tham quan, phát sinh doanh thu và phân chia doanh thu thu được;
- + Thời gian hợp tác: 7 năm tính từ ngày Hệ thống được nghiệm thu đưa vào hoạt động chính thức;
- + Hình thức hợp tác: Tài sản đồng kiểm soát.

### 2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản, chi phí vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình Led được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### 2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### 2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### 2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**2.29 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.134.694.291	120.893.928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.600.377.261	12.274.830.885
Các khoản tương đương tiền	-	1.734.490.735
	<b><u>6.735.071.552</u></b>	<b><u>14.130.215.548</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>72.048.150.886</b>	-	<b>61.690.035.029</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	72.048.150.886	-	61.690.035.029	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>316.322.103</b>	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	316.322.103	-	-	-
	<b><u>72.364.472.989</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>61.690.035.029</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 10,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình với số tiền 2.642.743.000 VND được dùng để làm tài sản đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình.

(\*\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 6,0%/năm.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**  
Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b) Chứng khoán kinh doanh	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	616.049.276	601.849.301	(14.199.975)	464.785.900
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang (Mã CK: DGC)	-	-	-	20.673.900
- Cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera - CTCP (Mã CK: VGC)	-	-	-	20.280.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinhomes (Mã CK: VHM)	-	-	-	33.600.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (Mã CK: AGG)	90.540.000	80.030.000	(10.510.000)	-
- Cổ phiếu Tổng Công ty Idico (Mã CK: IDC)	394.400.000	394.400.000	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom Retail (Mã CK: VRE)	117.500.000	116.500.000	(1.000.000)	-
- Cổ phiếu khác	13.609.276	10.919.301	(2.689.975)	390.232.000
	<b>616.049.276</b>	<b>601.849.301</b>	<b>(14.199.975)</b>	<b>464.785.900</b>
				<b>(226.312.979)</b>

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 29/12/2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

Tại ngày 31/12/2023, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc là 37,6%. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 24.234.542.850 VND và 24.383.204.023 VND.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>159.699.200</b>	<b>250.880.400</b>		<b>176.832.000</b>
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) (*)	100.199.200	250.880.400	-	176.832.000
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59.500.000	-	-	-
	<b>159.699.200</b>	<b>250.880.400</b>	<b>-</b>	<b>176.832.000</b>
				<b>Dự phòng VND</b>

(\*) Khoản đầu tư được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UPCOM tại ngày 30/12/2022 và 29/12/2023;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh	8.290.540.269	-	6.946.011.262	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	181.247.063	-	4.505.856.298	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoàng Hải	44.000.000	-	990.000.000	-
Công ty TNHH MTV Unigons Việt Nam	6.484.302.425	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Xây dựng Đồng Phong (Việt Nam)	3.047.343.663	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	29.578.775.117	(221.296.345)	36.413.261.189	(206.460.179)
	<u>47.626.208.537</u>	<u>(221.296.345)</u>	<u>48.855.128.749</u>	<u>(206.460.179)</u>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	-	-	4.783.380.981	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	8.284.718.612	-	8.284.718.612	-
Công ty Cổ Phần Novareal	2.612.265.248	-	2.612.265.248	-
Công ty TNHH MTV Unigons Việt Nam	-	-	2.255.429.721	-
Trả trước cho người bán khác	3.150.393.267	-	3.403.592.321	-
	<u>14.047.377.127</u>	<u>-</u>	<u>21.339.386.883</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.719.557	-	180.362.678	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	304.015	-	2.562.560	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	223.470	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	6.789.700	-
Ký cược, ký quỹ	62.725.436	-	343.771.262	-
Phải thu khác	207.225.564	-	216.757.666	-
	<b>327.974.572</b>	<b>-</b>	<b>750.467.336</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	189.750.479	-	195.445.910	-
	<b>189.750.479</b>	<b>-</b>	<b>195.445.910</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	84.428.747	-	84.428.747	-
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn	35.345.200	-	35.345.200	-
- Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ	19.426.500	-	19.426.500	-
- Đối tượng khác	82.095.898	-	67.259.732	-
	<b>221.296.345</b>	<b>-</b>	<b>206.460.179</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.257.473.287	-	18.684.155.862	-
Công cụ, dụng cụ	2.264.873.434	-	1.517.503.007	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	518.816.566	-	9.340.084.221	-
Thành phẩm	18.838.032.109	-	18.660.641.117	-
Hàng hoá	1.355.696.666	-	493.731.169	-
	<b>40.234.892.062</b>	<b>-</b>	<b>48.696.115.376</b>	<b>-</b>

**10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>846.447.364</b>	<b>-</b>
- Dự án thi công hệ thống PCCC của Hệ thống điện Năng lượng mặt trời	741.636.364	-
- Bãi đậu xe tại Celadon vị trí (A5b) B2.242	104.811.000	-
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>8.809.262.067</b>	<b>5.689.820.831</b>
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 (*)	2.690.358.106	2.690.358.106
- Mua sắm căn hộ Celedon (**)	6.118.903.961	2.999.462.725
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>629.959.431</b>
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng	-	354.637.178
- Sửa chữa máy móc thiết bị	-	275.322.253
	<b>9.655.709.431</b>	<b>6.319.780.262</b>

(\*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2023, công trình đã hoàn thiện nội thất và đang chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu để đưa vào sử dụng.

(\*\*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại Khu Diamond Brillant thuộc dự án Celadon City Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2023, công trình đã hoàn thiện nội thất, đang chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu để đưa vào sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	47.207.657.840	114.835.075.901	13.855.671.948	5.892.015.251	458.611.171	182.249.032.111
- Mua trong năm	225.500.000	7.719.020.105	2.189.207.327	494.433.282	-	10.628.160.714
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	11.472.660.159	-	-	-	11.472.660.159
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(619.226.000)	-	-	(619.226.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>47.433.157.840</b>	<b>134.026.756.165</b>	<b>15.425.653.275</b>	<b>6.386.448.533</b>	<b>458.611.171</b>	<b>203.730.626.984</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	30.683.722.240	86.082.118.631	10.347.560.536	5.720.991.069	374.630.540	133.209.023.016
- Khấu hao trong năm	3.553.295.600	8.652.293.823	1.332.178.878	404.573.348	(143.500.944)	13.798.840.705
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(541.822.743)	-	-	(541.822.743)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.237.017.840</b>	<b>94.734.412.454</b>	<b>11.137.916.671</b>	<b>6.125.564.417</b>	<b>231.129.596</b>	<b>146.466.040.978</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	16.523.935.600	28.752.957.270	3.508.111.412	171.024.182	83.980.631	49.040.009.095
Tại ngày cuối năm	13.196.140.000	39.292.343.711	4.287.736.604	260.884.116	227.481.575	57.264.586.006

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 627.601.071 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.227.886.088 VND.

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là hệ thống bộ tám năng lượng mặt trời và các thiết bị kèm theo có nguyên giá là 1.109.316.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 31/12/2023 là 758.032.600 VND, khấu hao trong năm là 221.863.200 VND.

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	705.645.304	6.943.530.397
Số dư cuối năm	<u>6.237.885.093</u>	<u>705.645.304</u>	<u>6.943.530.397</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.577.329.710	705.645.304	3.282.975.014
- Khấu hao trong năm	149.410.416	-	149.410.416
Số dư cuối năm	<u>2.726.740.126</u>	<u>705.645.304</u>	<u>3.432.385.430</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	3.660.555.383	-	3.660.555.383
Tại ngày cuối năm	<u>3.511.144.967</u>	<u>-</u>	<u>3.511.144.967</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 705.645.304 VND.

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Nguyên giá tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 là 51.544.546.189 VND; hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 lần lượt là 25.618.842.286 VND và 26.344.184.110 VND, khấu hao trong năm là 725.341.824 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	381.323.934	650.692.647
Bảo hiểm thân vỏ xe ô tô	1.281.250	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.702.709	141.569.404
	<u>425.307.893</u>	<u>792.262.051</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	205.925.561	879.098.901
Công cụ dụng cụ xuất dùng	20.771.170.483	2.449.029.441
Chi phí trả trước dài hạn khác	540.112.020	28.862.578
	<u>21.517.208.064</u>	<u>3.356.990.920</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<b>9.136.800</b>	<b>9.136.800</b>	-	-
Công Ty Cổ Phần In Thương Mại Quảng Cáo Âu Lạc	9.136.800	9.136.800	-	-
<i>Bên khác</i>	<b>38.844.449.137</b>	<b>38.844.449.137</b>	<b>19.948.627.543</b>	<b>19.948.627.543</b>
Shenzhen Infiled Electronics Co., Ltd	10.837.556.684	10.837.556.684	-	-
Công ty Cổ phần khoáng sản GGC	-	-	2.268.000.000	2.268.000.000
Tricon Dry Chemicals LLC	2.403.660.600	2.403.660.600	2.419.748.100	2.419.748.100
Phải trả các đối tượng khác	25.603.231.853	25.603.231.853	15.260.879.443	15.260.879.443
	<b><u>38.853.585.937</u></b>	<b><u>38.853.585.937</u></b>	<b><u>19.948.627.543</u></b>	<b><u>19.948.627.543</u></b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<b>1.104.544.524</b>	<b>3.407.204.966</b>
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông Thương mại T3D Việt Nam	-	138.600.000
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	-	2.301.458.992
Trung tâm Công nghệ Thông tin MobiFone - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	-	458.480.000
Trường Đại học Kinh tế - Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh	225.150.456	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dịch vụ Rồng Việt	227.235.000	-
Đối tượng khác	652.159.068	508.665.974
	<b><u>1.104.544.524</u></b>	<b><u>3.407.204.966</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	332.268.148	198.871.344	12.250.818.095	11.891.087.158	2.279.200	228.613.333	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	487.128.015	487.128.015	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	55.961.965	1.693.110.101	1.611.464.313	2.376.011.743	120.514.082	993.114.788	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	82.665.030	256.430.583	1.244.524.631	1.313.811.524	-	104.478.660	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	55.026.273	21.620.048	-	33.406.225	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	93.201.937	769.304.994	862.506.931	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	17.773.000	17.773.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>470.895.143</b>	<b>2.241.613.965</b>	<b>16.436.039.321</b>	<b>16.969.938.419</b>	<b>122.793.282</b>	<b>1.359.613.006</b>						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	89.174.120	59.664.020	-	-
- Bảo hiểm xã hội	142.632.853	1.048.635	-	-
- Bảo hiểm y tế	69.553.688	1.190.470	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.311.790	-	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.371.182.872	7.656.832.872	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.726.030	101.541.130	-	-
- Quỹ phải trả người lao động	1.073.555.442	1.073.555.442	-	-
- Tiền thưởng Ban điều hành	420.915.454	420.915.454	-	-
- Bà Trần Thị Huệ (*)	7.630.000.000	5.956.085.000	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	272.564.673	980.387.955	-	-
	<b>17.219.616.922</b>	<b>16.251.220.978</b>		

(\*) Khoản mượn tiền bà Trần Thị Huệ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	30.798.103.245	30.798.103.245	81.138.647.508	77.236.287.315	34.700.463.438	34.700.463.438
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(1)</sup>	18.749.158.245	18.749.158.245	76.899.612.523	60.948.307.330	34.700.463.438	34.700.463.438
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh	7.250.000.000	7.250.000.000	3.600.000.000	10.850.000.000	-	-
- Ngân Hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	4.798.945.000	4.798.945.000	-	4.798.945.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	-	-	499.693.000	499.693.000	-	-
- Công ty Cổ phần chứng khoán SSI	-	-	139.341.985	139.341.985	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	1.098.370.560	1.098.370.560	991.570.560	498.370.560	1.591.570.560	1.591.570.560
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(2)</sup>	320.880.000	320.880.000	214.080.000	320.880.000	214.080.000	214.080.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định <sup>(3)</sup>	600.000.000	600.000.000	600.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả <sup>(4)</sup>	177.490.560	177.490.560	177.490.560	177.490.560	177.490.560	177.490.560
	<b>31.896.473.805</b>	<b>31.896.473.805</b>	<b>82.130.218.068</b>	<b>77.734.657.875</b>	<b>36.292.033.998</b>	<b>36.292.033.998</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình <sup>(2)</sup>	1.451.360.000	1.451.360.000	-	697.080.000	754.280.000	754.280.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định <sup>(3)</sup>	1.456.083.454	1.456.083.454	-	-	1.456.083.454	1.456.083.454
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả <sup>(4)</sup>	458.517.280	458.517.280	-	177.490.560	281.026.720	281.026.720
	<b>3.365.960.734</b>	<b>3.365.960.734</b>	-	<b>874.570.560</b>	<b>2.491.390.174</b>	<b>2.491.390.174</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.098.370.560)	(1.098.370.560)	(991.570.560)	(498.370.560)	(1.591.570.560)	(1.591.570.560)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>2.267.590.174</b>	<b>2.267.590.174</b>			<b>899.819.614</b>	<b>899.819.614</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 667/TBN-KDN/23NH ngày 20/06/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 1216/TBN-KDN/18TD ngày 15 tháng 10 năm 2018 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: Đến hết ngày 20 tháng 06 năm 2024;
  - + Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với từng giấy nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.505.122.658 VND;
  - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (b) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 926/TBN-KND/23NH ngày 29/08/2023 được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 29/08/2024;
  - + Lãi suất cho vay: Phụ thuộc vào từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.062.417.060 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tại ngày 31/12/2023, khoản tiền gửi có giá trị 2.642.743.000 VND được làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (2) Hợp đồng vay vốn dài hạn của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình gồm 02 hợp đồng với điều khoản chi tiết như sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 621/TBN-KDN/20TH ngày 27/05/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
  - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 292.980.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 85.680.000 VND;
  - + Hình thức đảm bảo: 02 xe ô tô tải Isuzu QKR77FE4 và NMR85HE4 hình thành từ vốn vay.
- (b) Hợp đồng tín dụng số 926/TBN-KDN/20DH ngày 03/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 900.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Đầu tư mới tài sản cố định (vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh);
  - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 589.700.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 128.400.000 VND;
  - + Hình thức đảm bảo: 01 xe Ford Ranger Wildtrack Biturbo bán tải và 02 xe Isuzu hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số EGD/22239 ngày 18 tháng 07 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Thanh toán tiền đặt cọc theo Văn bản thỏa thuận số VTV.4-19.06/2019/VBTT/NVH-VHTB;
  - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.456.083.454 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 1.200.000.000 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay là căn hộ VTV.4 - 19.06 thuộc Khu nhà ở tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:**

- (4) Hợp đồng thuê tài chính số B200410902 ngày 22/05/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Loại tài sản: Hệ thống năng lượng mặt trời;
  - + Tổng giá trị nợ gốc: 976.198.080 VND;
  - + Thời hạn thuê: 60 tháng;
  - + Lãi suất: 9,54%;
  - + Số dư nợ gốc còn phải trả: 281.026.720 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 177.490.560 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÁN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>22.875.070.459</b>	<b>214.980.576.203</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	9.432.070.824	9.432.070.824
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4.015.696.300)	(4.015.696.300)
Tăng do kiểm tra thuế	-	-	-	-	-	335.133.121	335.133.121
Giảm do điều chỉnh sai sót hợp nhất các năm trước	-	-	-	-	-	(1.470.268.571)	(1.470.268.571)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>27.156.309.533</b>	<b>219.261.815.277</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>27.156.309.533</b>	<b>219.261.815.277</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	7.019.439.906	7.019.439.906
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(5.736.709.000)	(5.736.709.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>137.662.054.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>2.243.857.861</b>	<b>28.439.040.439</b>	<b>220.544.546.183</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2023 ngày 26/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại công ty mẹ VND
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	5.736.709.000
Lợi nhuận chưa phân phối	4.395.436.462

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17,03%	10.512.440.000	17,03%	10.512.440.000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12,32%	7.602.110.000	12,32%	7.602.110.000
Ông Hoàng Văn Điều	9,38%	5.788.600.000	9,38%	5.788.600.000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5,77%	3.558.630.000	5,77%	3.558.630.000
Ông La Thế Nhân	4,79%	2.955.500.000	4,79%	2.955.500.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh	-	-	7,24%	4.475.000.000
Các cổ đông khác	43,66%	26.949.810.000	36,41%	22.474.810.000
Cổ phiếu quỹ	7,06%	4.358.140.000	7,06%	4.358.140.000
	<b>100%</b>	<b>61.725.230.000</b>	<b>100%</b>	<b>61.725.230.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp đầu năm	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp cuối năm	61.725.230.000	61.725.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	101.541.130	88.811.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.736.709.000	4.015.696.300
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.736.709.000	4.015.696.300
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(5.718.524.100)	(4.002.966.870)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(5.718.524.100)	(4.002.966.870)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>119.726.030</u>	<u>101.541.130</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- Cổ phiếu phổ thông	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	435.814	435.814
- Cổ phiếu phổ thông	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- Cổ phiếu phổ thông	5.736.709	5.736.709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	<b>2.243.857.861</b>	<b>2.243.857.861</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang khai thác kinh doanh và cho thuê mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động.

**b) Tài sản thuê ngoài**

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 284-286 Hoàng Văn Thụ, P.4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	121,7 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
2	Số 654 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	85 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
3	Số 105A Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	972 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
4	Số 203-205 Võ Thành Trang, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	317 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
5	Số 11 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	13,58 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
6	Số 09 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	16,68 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
7	Số 927/8 Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	300 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
8	Số 8 Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	413 m <sup>2</sup>	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
9	Lô II-3, NCN2, đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	9.987 m <sup>2</sup>	41 năm từ ngày 17/07/2006 đến 17/06/2047

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.121,88	732,87
- Đồng Singapore (SGD)	1.572,62	-
- Đồng HongKong (HKD)	10.396,13	-

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	223.303.753.605	174.666.261.013
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.778.843.969	87.025.635.182
	<b>304.082.597.574</b>	<b>261.691.896.195</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<b>4.000.000</b>	<b>38.796.407</b>

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	67.457.909	80.967.790
Giảm giá hàng bán	284.545.454	95.008.460
	<b>352.003.363</b>	<b>175.976.250</b>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	187.541.096.357	150.173.839.039
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	73.060.467.022	67.905.815.867
	<b>260.601.563.379</b>	<b>218.079.654.906</b>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.766.437.974	3.316.383.749
Lãi bán các khoản đầu tư	-	204.248.880
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	20.420.000	134.546.099
Cổ tức, lợi nhuận được chia	806.870.000	413.915.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.352.337	172.952.902
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	668.590	100.950.300
	<b>5.609.748.901</b>	<b>4.342.997.330</b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<b>789.600.000</b>	<b>526.337.000</b>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.859.139.515	1.445.970.145
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	211.848.697	-
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	7.504.267	109.906.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.071.726.377	1.466.228.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	536.485.822	1.059.799
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(212.113.004)	226.312.979
Chi phí tài chính khác	-	34.013.557
	<b>3.474.591.674</b>	<b>3.283.490.720</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.276.086	-
Chi phí nhân công	8.127.797.776	6.851.667.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	238.060.464	272.461.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.616.888.328	2.688.404.203
Chi phí khác bằng tiền	2.323.864.484	2.064.528.802
	<b>12.370.887.138</b>	<b>11.877.062.483</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	357.768.130	247.701.636
Chi phí nhân công	13.870.565.170	12.633.254.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.430.618.390	4.319.844.715
Thuế, phí, lệ phí	337.764.173	45.790.894
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	14.836.166	(1.033.047)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.923.623.292	2.200.569.810
Chi phí khác bằng tiền	5.089.865.250	3.240.574.397
	<b>26.025.040.571</b>	<b>22.686.702.883</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	13.505.834	181.818.182
Tiền phạt thu được	-	244.066.803
Lãi phạt không thực hiện được hợp đồng	2.191.347.875	-
Thu nhập khác	29.213.683	42.878.250
	<b>2.234.067.392</b>	<b>468.763.235</b>

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	447.280.574	181.498.823
Tiền phạt hợp đồng	129.811.000	-
Chi phí khác	108.414.023	40.956.045
	<b>685.505.597</b>	<b>222.454.868</b>

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.314.130.355	2.456.916.173
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	238.727.470	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.552.857.825</b>	<b>2.456.916.173</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	49.525.488	-
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải trả của các năm trước vào thuế TNDN phải trả năm nay	9.081.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.637.148.136	(3.244.692)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.376.011.743)	(816.523.345)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>872.600.706</b>	<b>1.637.148.136</b>

**33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	162.285.714	202.857.143
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>162.285.714</b>	<b>202.857.143</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.017.433.667	1.114.344.997
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>1.017.433.667</b>	<b>1.114.344.997</b>

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hạch toán bổ sung trong năm	40.571.429	40.571.429
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả hạch toán bổ sung trong năm	(96.911.330)	(599.352.146)
	<b>(56.339.901)</b>	<b>(558.780.717)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7.019.439.906	10.902.339.395
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.019.439.906	10.902.339.395
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.736.709	5.736.709
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.224</b>	<b>1.900</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.261.544.730	89.542.078.820
Chi phí nhân công	58.414.622.921	58.366.434.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.948.251.121	14.057.092.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.486.361.539	41.618.146.688
Chi phí khác bằng tiền	12.478.647.823	10.850.251.890
	<b>251.589.428.134</b>	<b>214.434.003.818</b>

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	601.849.301	-	-	601.849.301
Đầu tư dài hạn	-	316.322.103	-	316.322.103
	<u>601.849.301</u>	<u>316.322.103</u>	<u>-</u>	<u>918.171.404</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	464.785.900	-	-	464.785.900
	<u>464.785.900</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>464.785.900</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền	5.600.377.261	-	-	5.600.377.261
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.732.886.764	189.750.479	-	47.922.637.243
Các khoản cho vay	72.048.150.886	316.322.103	-	72.364.472.989
	<u>125.381.414.911</u>	<u>506.072.582</u>	<u>-</u>	<u>125.887.487.493</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.009.321.620	-	-	14.009.321.620
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.399.135.906	195.445.910	-	49.594.581.816
Các khoản cho vay	61.690.035.029	-	-	61.690.035.029
	<b>125.098.492.555</b>	<b>195.445.910</b>	<b>-</b>	<b>125.293.938.465</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Vay và nợ	36.292.033.998	31.896.473.805	-	68.188.507.803
Phải trả người bán, phải trả khác	56.073.202.859	-	-	56.073.202.859
Chi phí phải trả	16.335.606	-	-	16.335.606
	<b>92.381.572.463</b>	<b>31.896.473.805</b>	<b>-</b>	<b>124.278.046.268</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	31.896.473.805	2.267.590.174	-	34.164.063.979
Phải trả người bán, phải trả khác	36.199.848.521	-	-	36.199.848.521
	<b>68.096.322.326</b>	<b>2.267.590.174</b>	<b>-</b>	<b>70.363.912.500</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	222.951.750.242	80.778.843.969	303.730.594.211
Chi phí bộ phận trực tiếp	187.541.096.357	73.060.467.022	260.601.563.379
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>35.410.653.885</b>	<b>7.718.376.947</b>	<b>43.129.030.832</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	11.110.649.585	10.990.171.288	22.100.820.873
Tài sản bộ phận trực tiếp	221.594.791.526	80.287.196.981	301.881.988.507
Tài sản không phân bổ			24.859.225.327
<b>Tổng tài sản</b>	<b>221.594.791.526</b>	<b>80.287.196.981</b>	<b>326.741.213.834</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	75.920.080.050	29.576.218.826	105.496.298.876
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	700.368.775
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>75.920.080.050</b>	<b>29.576.218.826</b>	<b>106.196.667.651</b>

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết
Ông La Thế Nhân	Chủ tịch HĐQT
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Văn Điều	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Thái Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên Ban kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>4.000.000</b>	<b>38.796.407</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.000.000	38.796.407
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>789.600.000</b>	<b>526.337.000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	789.600.000	526.337.000
<b>Mua hàng</b>	<b>28.140.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	28.140.000	-

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		
Ông La Thế Nhân	80.000.000	45.000.000
Ông Hoàng Văn Điều	59.400.000	260.607.000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	60.700.000	228.631.000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	800.493.940	861.139.940
Ông Nguyễn Minh Tuấn	50.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Văn Danh	357.300.000	276.012.500
Ông Nguyễn Anh Thuận	20.000.000	
Ông Đoàn Thanh Hải	20.000.000	
Bà Thái Thị Phụng	209.224.000	181.369.000
Bà Quách Thị Mai Trang	230.324.000	232.000.000
Ông Lê Quốc Thắng	-	98.560.640

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**40 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024